

TIN TIÊU ĐIỂM:

Bảo hiểm
Những điểm mới cơ bản trong Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi

Ngày 20/11/2014, Quốc hội đã thông qua Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13, trong đó có một số điểm mới đáng lưu ý như sau:

Thứ nhất là chế độ thai sản đối với lao động nam. Cụ thể, từ năm 2016, lao động nam đang đóng bảo hiểm xã hội khi vợ sinh con sẽ được nghỉ 05 ngày làm việc; được nghỉ 07 ngày làm việc khi vợ sinh con phải phẫu thuật hoặc sinh con dưới 32 tuần tuổi. Riêng trường hợp vợ sinh đôi thì được nghỉ 10 ngày làm việc (từ sinh ba trở lên, thêm mỗi con được nghỉ thêm 03 ngày làm việc) và trường hợp vợ sinh đôi trở lên mà phải phẫu thuật thì được nghỉ 14 ngày làm việc.

Thứ hai là bổ sung các đối tượng phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, gồm người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 đến dưới 03 tháng và người lao động nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có Giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc Giấy phép hành nghề; quy định này được áp dụng từ năm 2018. Bên cạnh đó, Luật đã mở rộng diện đối tượng được tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo hướng quy định công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên được tham gia bảo hiểm tự nguyện.

Thứ ba, cách tính lương hưu hàng tháng cũng đã được điều chỉnh theo Luật này. Cụ thể, từ năm 2016 đến trước năm 2018, mức lương hưu hàng tháng của người lao động được tính bằng 45% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tương ứng với 15 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ mỗi năm tính thêm 2% đối với nam; 3% đối với nữ nhưng mức tối đa là 75%. Từ năm 2018, mức lương hưu được tính bằng 45% mức bình quân tiền lương tháng bảo hiểm xã hội và tương ứng với 15 năm nếu lao động nữ nghỉ hưu từ năm 2018 trở đi; tương ứng với 16 năm nếu lao động nam nghỉ hưu vào năm 2018; với 17 năm nếu nghỉ hưu vào năm 2019; với 18 năm nếu nghỉ hưu vào năm 2020; với 19 năm nếu nghỉ hưu năm 2021 và với 20 năm nếu nghỉ hưu từ năm 2022 trở đi.

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016.

Dầu tư **Dự án đầu tư trong nước không phải làm thủ tục đăng ký đầu tư**

Ngày 26/11/2014, Quốc hội đã chính thức thông qua Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 với rất nhiều nội dung mới, có tác động mạnh mẽ tới các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Trước hết, Luật quy định chỉ các dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài và của các tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài mới phải làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...

Như vậy, các dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước; đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế và dự án đầu tư của tổ chức kinh tế ngoài trường hợp nêu trên sẽ không phải làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trong khi đó, trước đây, chỉ các dự án đầu tư trong nước có quy mô dưới 15 tỷ đồng và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện mới không phải làm thủ tục này.

Đồng thời, thay vì quy định chỉ các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực và địa bàn nhất định mới được hưởng các ưu đãi đầu tư như trước đây, Luật này đã bổ sung thêm các đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư, bao gồm: Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư; dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên; doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ.

Ngoài ra, nếu như Luật trước đây chỉ quy định cấm đầu tư vào các dự án gây phương hại đến an ninh, quốc phòng; phương hại tới di tích lịch sử văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của Việt Nam; gây tổn hại đến sức khỏe nhân dân, làm hủy hoại tài nguyên, phá hủy môi trường; dự án xử lý phế thải độc hại đưa từ bên ngoài vào Việt Nam; sản xuất các loại hóa chất độc hại hoặc sử dụng tác nhân độc hại... thì Luật này đã quy định một cách minh bạch rõ ràng về các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh như: Các chất ma túy; kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật; kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã; kinh doanh mại dâm; mua bán người, mô, bộ phận cơ thể người; hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính người.

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2015.

Dất đai – Nhà ở **Từ 07/2015, kinh doanh bất động sản phải có vốn pháp định 20 tỷ đồng**

Theo Luật Kinh doanh bất động sản (BDS) số 66/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 25/11/2014, thay thế Luật Kinh doanh BDS số 63/2006/QH11, từ ngày 01/07/2015, tổ chức, cá nhân kinh doanh BDS phải thành lập doanh nghiệp hoặc hợp tác xã và có vốn pháp định tối thiểu là 20 tỷ đồng thay vì mức 06 tỷ đồng như trước đây

Riêng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê mua BDS quy mô nhỏ, không thường xuyên thì không phải thành lập doanh nghiệp, nhưng vẫn kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Về việc bảo lãnh trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai, Luật quy định chủ đầu tư dự án BDS trước khi bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai phải được ngân hàng thương mại có đủ năng lực thực hiện bảo lãnh nghĩa vụ tài chính đối với khách hàng trong trường hợp không bàn giao nhà ở theo đúng tiến độ đã cam kết. Khi đó, khách hàng có quyền yêu cầu bên bảo lãnh hoàn lại số tiền ứng trước và các khoản tiền khác theo hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở và hợp đồng bảo lãnh đã ký kết. Danh sách ngân hàng thương mại có đủ năng lực thực hiện bảo lãnh trong kinh doanh BDS hình thành trong tương lai sẽ được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2015.

Chưa nhận nhà, người mua chỉ phải trả trước 70% tiền nhà

Ngày 25/11/2014, Quốc hội đã chính thức thông qua Luật Nhà ở số 65/2014/QH13, thay thế Luật Nhà ở số 56/2005/QH11 với nhiều nội dung mới, đáng chú ý

Trước hết, Luật quy định chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội được ứng tiền trước của người mua nhà ở xã hội theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán nhà ở, phù hợp với tỷ lệ hoàn thành xây dựng công trình và tiến độ dự án, nhưng tổng số tiền ứng trước không được vượt quá 70% giá trị của nhà ở đến trước khi bàn giao nhà ở cho người mua và không được vượt quá 95% giá trị của nhà ở đến trước khi người mua nhà được cấp Giấy chứng nhận sở hữu đối với nhà ở đó.

Với các chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại, Luật yêu cầu trong thời hạn 50 ngày, kể từ ngày bàn giao nhà ở cho người mua hoặc kể từ thời điểm bên thuê mua đã thanh toán đủ tiền theo thỏa thuận thì phải làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận sở hữu nhà ở cho người mua, người thuê mua, trừ trường hợp người mua, thuê mua tự nguyện làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

Một nội dung nổi bật khác tại Luật này là quy định về việc sở hữu nhà ở tại Việt Nam của người nước ngoài. Cụ thể, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài được phép nhập cảnh vào Việt Nam được mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế và sở hữu nhà ở tại Việt Nam thông qua các hình thức sau: (i) Đầu tư xây dựng nhà ở theo dự án tại Việt Nam; và (ii) Mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế nhà ở thương mại bao gồm căn hộ chung cư và nhà ở riêng lẻ trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở.

Luật cũng không có quy định giới hạn về số lượng căn hộ, nhà mà một người nước ngoài có thể mua mà chỉ giới hạn tổng số căn hộ lưu trú mà người nước ngoài sở hữu không quá 30% số lượng căn hộ trong một tòa nhà chung cư hay 250 căn nhà nếu là nhà ở riêng lẻ trên một khu vực có số dân tương đương một đơn vị hành chính cấp phường. Ngoài ra, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tối đa 50 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận và có thể được gia hạn thêm nếu có nhu cầu; riêng trường hợp cá nhân nước ngoài kết hôn với công dân Việt Nam hoặc kết hôn với người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì được sở hữu nhà ở (thương mại) ổn định, lâu dài.

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2015.

NHẬN ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT:

Quảng cáo đã và đang trở thành một hình thức xúc tiến thương mại quan trọng trong chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp. Năm 2011, thị trường quảng cáo Việt Nam đạt 1,2 tỷ đô-la, tăng 15% so với năm 2010. Gần đây, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL (có hiệu lực từ ngày 1/2/2014) do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành đã cho phép quảng cáo so sánh “nhất” nếu thỏa mãn các điều kiện luật định. Bài viết này hướng tới phân tích những tác động của quy định này đối với các doanh nghiệp nói riêng và thị trường quảng cáo nói chung tại Việt Nam.

Theo Thông tư 10/2013/TT-BVHTTDL, quảng cáo có sử dụng các từ ngữ “nhất”, “duy nhất”, “tốt nhất”, “số một” hoặc từ ngữ có ý nghĩa tương tự thì phải có tài liệu hợp pháp chứng minh từ kết quả khảo sát thị trường của các tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp có chức năng nghiên cứu thị trường; Giấy chứng nhận hoặc các giấy tờ tương tự tại các cuộc thi, triển lãm có quy mô khu vực hoặc toàn quốc bình chọn và công nhận các loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đó. Về thời hạn duy trì nội dung quảng cáo “nhất”, Thông tư quy định thời gian sử dụng tài liệu hợp pháp chứng minh từ “nhất”, “duy nhất”, “tốt nhất”, “số một” hoặc các từ ngữ có ý nghĩa tương tự trên các sản phẩm quảng cáo là 1 năm kể từ ngày tổ chức, cá nhân được cấp giấy chứng nhận hoặc nhận kết quả khảo sát thị trường.

Về phía các doanh nghiệp có sản phẩm được quảng cáo, quy định tại Thông tư đã tạo điều kiện cho họ thực hiện xúc tiến thương mại thuận tiện hơn, tập trung nâng cao chất lượng hoặc các đặc tính khác của sản phẩm để tạo sự khác biệt hóa, tính cạnh tranh trên thị trường. Doanh nghiệp đã có cơ sở pháp lý để đưa các thông tin về vị thế trên thị trường vào nội dung quảng cáo. Hành lang pháp lý này cũng khuyến khích doanh nghiệp tham gia các hoạt động hội chợ, triển lãm, tăng cường khảo sát thị trường, liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm...

Về phía các doanh nghiệp kinh doanh hoạt động quảng cáo, quy định tại Thông tư cũng tạo cơ sở cho việc phát triển các ý tưởng quảng cáo, mở rộng phạm vi nội dung quảng cáo.

Nếu các doanh nghiệp tôn trọng, bảo đảm quảng cáo tính “nhất” của mình thì người tiêu dùng được hưởng tính “nhất” từ chất lượng, thuộc tính khác của sản phẩm. Những yêu cầu về khảo sát thị trường và giấy chứng nhận sản phẩm qua hội chợ, triển lãm sẽ góp phần giảm thiểu những hoạt động quảng cáo không đúng sự thật, lừa dối người tiêu dùng. Qua đó, thị trường tiêu dùng sẽ có thêm nhiều sản phẩm chất lượng.

Tuy nhiên, quá trình thực thi chính sách có thể còn gặp phải một số khó khăn nhất định. Cụ thể, thời hạn sử dụng các tài liệu chứng minh trong vòng 01 (một) năm sẽ tạo ra chi phí để xin gia hạn hàng năm nếu muốn. Ngoài ra, các doanh nghiệp có sản phẩm được quảng cáo tính nhất thì quy trình để đưa thông tin sản phẩm đến với công chúng phải thực hiện thêm các thủ tục về chứng nhận chất lượng sản phẩm ở những cơ quan chuyên ngành khác nhau. Thời gian thực hiện các thủ tục này có thể bị kéo dài trong khi theo quy định pháp luật, doanh nghiệp phát hành quảng cáo thông thường mất khoảng 52 ngày để đăng ký quảng cáo đối với quảng cáo trên báo chí và khoảng 10 ngày đối với quảng cáo trên mạng thông tin máy tính.

Một vấn đề quan ngại được đặt ra từ lâu trong các lần soạn thảo văn bản quảng cáo đó là các doanh nghiệp lạm dụng các từ “nhất” dẫn đến gây xáo trộn trên thị trường. Việc này đòi hỏi phải kiểm tra nội dung quảng cáo của đơn vị phát hành quảng cáo. Theo quy định, các quảng cáo trước khi phát trên truyền hình hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng phải được kiểm duyệt chặt chẽ. Để người tiêu dùng không bị nhầm lẫn trước các thông tin quảng cáo sai sự thật cũng như giảm thiểu được tình trạng quảng cáo sai sự thật, cường điệu hóa các thông tin thì cần rà soát kỹ thông tin, bằng chứng quảng cáo. Công tác này đòi hỏi các đơn vị phát hành quảng cáo phải kiểm tra độ tin cậy của thông tin.

Lấy ví dụ về quảng cáo của sản phẩm dầu gội Clear, doanh nghiệp đăng tải thông tin rằng loại dầu gội này là dầu gội trị gàu số 1 Việt Nam. Theo như quy định trong Thông tư thì doanh nghiệp cần phải có đầy đủ những tài liệu hợp pháp chứng minh từ kết quả khảo sát thị trường của các tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp có chức năng nghiên cứu thị trường; giấy chứng nhận hoặc các giấy tờ tương tự tại các cuộc thi, triển lãm có quy mô khu vực hoặc toàn quốc bình chọn. Unilever đã dựa trên các thông tin từ một phần dữ liệu được báo cáo trong phạm vi dịch vụ Nghiên

cứ Đo lường Bán lẻ của ngành hàng Dầu gội, phân khúc Dầu gội Sạch gàu về mặt doanh thu và sản lượng trong thời hạn 12 tháng (từ tháng 1/2013 đến tháng 12/2013). Có ý kiến thắc mắc “số 1” của Clear là doanh thu (thuộc về số lượng sản phẩm) hay là chất lượng của sản phẩm. Liệu doanh thu bán hàng có phải là cơ sở đủ để chứng minh rằng về mặt chất lượng, đây là loại dầu gội trị gàu số 1 Việt Nam? Việc quảng cáo “số 1” như vậy là chưa phù hợp? Những vấn đề như vậy cần có quy định hướng dẫn cụ thể.

Việc quảng cáo sử dụng “nhất”, “duy nhất”, “tốt nhất” hay “số một” cũng có khả năng phải chịu rủi ro liên quan tới công tác quản lý và giám định chất lượng sản phẩm. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm và thẩm định nội dung quảng cáo thuộc về cơ quan chuyên ngành của từng loại sản phẩm. Trong khi, việc thanh tra vi phạm quảng cáo thuộc về thẩm quyền của các cơ quan Văn hoá, Thể thao và Du lịch và cơ quan Thông tin và Truyền thông (cấp Bộ và cấp Sở). Do sự quản lý từ khâu đăng ký quảng cáo và kiểm tra nội dung quảng cáo thuộc nhiều cơ quan sẽ là một thách thức mà các doanh nghiệp phải đối mặt khi thực hiện các thủ tục quảng cáo và lên kế hoạch cho chiến lược xúc tiến thương mại của mình./.

Lưu ý: Tất cả các ý kiến, nhận định và quy định được trích dẫn trong bài viết chỉ mang tính tham khảo nên không được coi đó là ý kiến pháp lý chính thức để vận dụng vào các trường hợp cụ thể. Bên cạnh đó, văn bản pháp luật được dẫn chiếu có thể đã hết hiệu lực hoặc đã được sửa đổi, bổ sung tại thời điểm Quý khách hàng tham khảo bài viết cho các tình huống phát sinh trên thực tế. Do vậy, để có được ý kiến pháp lý cho từng trường hợp một cách chính xác nhất, Quý khách hàng vui lòng liên hệ trực tiếp với chúng tôi.

**DANH MỤC VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH TỪ NGÀY
10/12/2014 ĐẾN NGÀY 16/12/2014**

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành
1.	Luật Doanh nghiệp của Quốc hội, số 68/2014/QH13	26/11/2014
2.	Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp của Quốc hội, số 69/2014/QH13	26/11/2014
3.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt của Quốc hội, số 70/2014/QH13	26/11/2014
4.	Luật Nhà ở của Quốc hội, số 65/2014/QH13	25/11/2014
5.	Luật Kinh doanh bất động sản của Quốc hội, số 66/2014/QH13	25/11/2014
6.	Luật Đầu tư của Quốc hội, số 67/2014/QH13	26/11/2014
7.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam của Quốc hội, số 61/2014/QH13	21/11/2014
8.	Luật Giáo dục nghề nghiệp của Quốc hội, số 74/2014/QH13	27/11/2014
9.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự của Quốc hội, số 64/2014/QH13	25/11/2014
10.	Luật Bảo hiểm xã hội của Quốc hội, số 58/2014/QH13	20/11/2014
11.	Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 của Quốc hội	20/11/2014
12.	Luật Căn cước công dân của Quốc hội, số 59/2014/QH13	20/11/2014
13.	Luật Hộ tịch của Quốc hội, số 60/2014/QH13	20/11/2014
14.	Luật Tổ chức Tòa án nhân dân của Quốc hội, số 62/2014/QH13	24/11/2014
15.	Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân của Quốc hội, số 63/2014/QH13	24/11/2014